TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/9/2019
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng
2. Bà Phạm Thị Ngọc Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Báu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/8/2019; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2019/QĐST- HNGĐ ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Bùi Hữu Ng – sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 7, ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: chị Nguyễn Thị Hồng L – sinh năm: 1990(vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: tổ 7, ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1. bà Lữ Thị H, sinh năm: 1951(vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 7, ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962(vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 7, ấp ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/5/2019, các lời khai bổ sung được thể hiện trong hồ sơ nguyên đơn anh Bùi Hữu Ng trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng L trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau đến năm 2016 thì tiến tới hôn nhân với nhau, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C tỉnh Đồng Nai. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh Ng trình bày: do anh chị bất đồng quan điểm sống, chị L thích làm tất cả mọi việc theo ý của mình mà không cần sự đồng ý hay khuyên bảo gì của anh, muốn mua cái gì cũng không bao giờ hỏi ý kiến hay thông báo gì cho anh biết, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc. Sau khi hai vợ chồng xảy ra cãi vã thì ngày 17/02/2018 (tức ngày mùng 1 tết âm lịch) chị L đã bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay không quay về, anh đã làm đơn yêu cầu và được Tòa án nhân dân huyện C chấp nhận thông báo tìm kiếm chị Nguyễn Thị Hồng L vắng mặt tại nơi cư trú bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2019 ngày 05/4/2019, anh đã đi đăng báo, nhắn tin tìm kiếm chị L nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Do chị L đã bỏ đi, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Hữu Ng, sinh ngày: 07/11/2016. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/9/2019 anh Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho chị L nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.

* Ngày 12/6/2019 Tòa án tiến hành lấy lời khai của người làm chứng bà Lữ Thị H - là mẹ ruột của anh Bùi Hữu Ng. Bà Hoàng cho rằng, anh Nghĩa và chị L có thiết lập quan hệ hôn nhân và có một người con chung, sau khi anh Ng và chị L kết hôn thì chung sống cùng với bà tại X, cuộc sống hôn nhân của anh chị chỉ thực sự hạnh phúc được thời gian đầu, đến khi chị L sinh con được hơn 01 tháng thì giữa hai vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lúc to, lúc nhỏ, vì những chuyện bình thường trong cuộc sống hàng ngày, bất đồng về cách sống, vì sống chung nhà nên mỗi lần hai vợ chồng anh chị cãi vã to tiếng với nhau bà đều chứng

kiến. Đến ngày 17/02/2018 sau khi hai vợ chồng xảy ra cãi vã chị L đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không quay về.

* Ngày 15/7/2019 Tòa án tiến hành lấy lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị H - là hàng xóm ở cạnh nhà anh Bùi Hữu Ng. Bà H trình bày rằng, bà với anh Ng, chị L không có quan hệ bà con gì, chỉ là hàng xóm sống cạnh nhà với nhau, bà được biết chị L không phải là người ở địa phương, sau khi kết hôn với anh Ng thì chị L chuyển hộ khẩu và về cùng sinh sống với nhà chồng tại ấp ấp C, xã X, huyện C, trong cuộc sống giữa anh Ng và chị L đã xảy ra mâu thuận, cãi vã nhau rồi chị L bỏ đi hơn 01 năm nay không về thăm con.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn anh Bùi Hữu Ng cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh của bà H, bà H (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của cháu Ng (bản sao); Giấy đăng ký kết hôn (bản chính); Quyết định giải quyết việc dân sự số: 04/2019 ngày 05/4/2019 (bản sao); Đơn xác nhận về thu nhập (bản chính); Đơn xác nhận về nơi cư trú (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm: Biên bản xác minh (bản chính); Biên bản lấy lời khai của bà H và bà H (bản chính).

***** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp. Đại diện VKS huyện C không có kiến nghị gì.

Về nội dung: áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Nghĩa và chị L ly hôn; về con chung: giao cháu Bùi Hữu Ng cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị L; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: anh Bùi Hữu Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng L, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về tư cách tham gia tố tụng: anh Ng có đơn khởi kiện xin ly hôn chị L nên xác định anh Ng là nguyên đơn và chị L là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại: tổ 7, ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn anh Bùi Hữu Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân huyện C. Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L đã được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng và chị L là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Hữu Ng và chị Nguyễn Thị Hồng L đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 01 6/2017, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Ng nhận thấy:

Theo trình bày của anh Ng thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do trong cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị L luôn bất đồng quan điểm sống về tất cả mọi vấn đề trong gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc. Sau khi hai vợ chồng xảy ra cãi vã thì ngày 17/02/2018 chị L đã bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay không quay về, anh đã đi đăng báo, nhắn tin tìm kiếm chị L nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Do chị L đã bỏ đi, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Tuy chị L vắng mặt không có lời khai tại Tòa án, nhưng qua lời trình bày của bà Lữ Thị H - là mẹ ruột của anh Bùi Hữu Ng và của bà Nguyễn Thị H - là hàng xóm ở cạnh nhà anh Bùi Hữu Ng thì thấy: giữa anh Ng và chị L có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau vì những chuyện bình thường trong cuộc sống hàng ngày, bất đồng về cách sống, chị L đã bỏ nhà đi từ ngày 17/02/2018 đến nay không quay về dẫn đến cuộc sống hôn nhân của anh Ng và chị L không còn hạnh phúc. Bà H tuy có quan hệ là mẹ ruột của anh Ng, nhưng qua lời trình bày của các đương sự thì thấy sau khi kết hôn thì anh Ng và chị L cùng chung sống với bà H tại X, mọi mâu thuẫn xảy ra giữa chị L và anh Ng bà H đều biết. Vì vậy, lời khai của bà H và bà H là khách quan và được chấp nhận là chứng cứ để xem xét trong vụ án này.

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, anh Ng vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với chị L. Xét thấy chị L đã bỏ đi, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không

còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh Ng được ly hôn với chị L.

[6] Về con chung: Khi ly hôn anh Ng có nguyện vọng được nuôi cháu Ng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của anh Ng thì thấy hiện tại anh Ng có công việc và có thu nhập ổn định, và chị L đã bỏ đi không có tin tức gì. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Ng thì thấy nên giao cháu Nghị cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGĐ. Nên chấp nhận cho anh Ng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng.

Về cấp dưỡng nuôi con: do anh Ng không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Ly.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: anh Ng xác định không có, do chị L vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì anh Ng phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Hữu Ng.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho Bùi Hữu Ng được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng L.

- Về con chung: giao con chung cháu Bùi Hữu Ng, sinh ngày: 07/11/2016 cho anh Bùi Hữu Ng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị Hồng L.

Khi cần thiết anh Ng và chị L được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: anh Bùi Hữu Ng phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phíanh Ng đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004857 ngày 22/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh Ng đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H. C;*
- *Thi hành án dân sự H. C;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã X;*
- *Lưu án văn;*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Khuyên